Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 07/12/2020 14:58:25

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1843 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Trà Bồng thuộc Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số Cr. 5887-VN ngày 23/12/2016 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế tài trợ cho dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai";

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" vay vốn Ngân hàng Thế giới; số 581/QĐ-BTNMT ngày 12/3/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch tổng thể thực hiện, kế hoạch tổng thể phần nhiệm vụ do Trung ương thực hiện, Kế hoạch thực hiện năm 2019 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2019 phần nhiệm vụ do Trung ương thực hiện Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai"; số 1189/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", Kế hoạch năm 2020 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 2020 phần nhiệm vụ do Trung ương thực hiện; số 1141/QĐ-BTNMT ngày 20/5/2020 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai"; Công văn số 3430/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 26/6/2020 về việc tổ chức thực hiện Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" tại địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4454/TTr-STNMT ngày 23/11/2020; ý kiến của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1083/SKHĐT-KTN ngày 01/7/2020 và thẩm định của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2719/STC-TCĐT ngày 20/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật – Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Trà Bồng thuộc Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung cơ bản như sau:

1. Tên dự án: Thiết kế kỹ thuật – Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Trà Bồng thuộc Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai", thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt Thiết kế kỹ thuật - dự toán).

2. Cơ quan chủ quản tham gia dự án: UBND tỉnh.

3. Chủ dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

4. Đơn vị tư vấn lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán: Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật.

5. Địa điểm thực hiện: 10 xã, thị trấn thuộc huyện Trà Bồng (huyện Trà Bồng cũ), tỉnh Quảng Ngãi.

6. Thời gian thực hiện: Mười hai (12) tháng, kể từ ngày Hợp đồng được ký kết.

7. Quy mô đầu tư:

7.1) Xây dựng CSDL địa chính đối với trường hợp chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện CSDL địa chính đã xây dựng trước ngày 01/8/2016

- Tổng số thửa của 10 xã, thị trấn thực hiện chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trước ngày 01/8/2016 là: 60.284 thửa;

- Tổng số trang A3 quét bổ sung: 64.352 trang;

- Tổng số trang hồ sơ A4 quét bổ sung: 96.528 trang.

7.2) Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê

7.2.1) Cấp xã:

- Đối với kỳ trước:

+ Dữ liệu thuộc tính được đưa vào CSDL:

++ Thống kê cấp xã từ năm 2004 đến 2019 của 10 xã, thị trấn: 120 bộ dữ liệu;

++ Kiểm kê cấp xã từ năm 2004 đến 2019 của 10 xã, thị trấn: 40 bộ dữ liệu.

+ Dữ liệu bản đồ được đưa vào CSDL: Dữ liệu bản đồ kiểm kê năm 2019: 10 bộ dữ liệu;

+ Tài liệu quét: Trang A3: 1.600 trang; trang A4: 5.600 trang.

- Đối với kỳ hiện tại:

+ Thống kê cấp xã (năm 2020) của kỳ hiện tại của 10 xã, thị trấn : 10 bộ dữ liệu.

+ Tài liệu quét: Trang A3: 100 trang; trang A4: 350 trang.

7.2.2) Cấp huyện:

- Đối với kỳ trước:

+ Dữ liệu thuộc tính được đưa vào CSDL:

++ Thống kê cấp huyện từ năm 2004 đến 2019: 12 bộ dữ liệu;

++ Kiểm kê cấp huyện từ năm 2005 đến 2019: 04 bộ dữ liệu.

+ Dữ liệu bản đồ được đưa vào CSDL: Dữ liệu bản đồ kiểm kê năm 2019: 01 bộ dữ liệu;

+ Tài liệu quét: Trang A3: 320 trang; trang A4: 800 trang.

- Đối với kỳ hiện tại:

+ Thống kê cấp huyện (năm 2020) của kỳ hiện tại: 01 bộ dữ liệu;

+ Tài liệu quét : Trang A3 : 20 trang; trang A4: 50 trang.

7.3) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

+ Tài liệu, dữ liệu quy hoạch sử dụng đất (kỳ đầu và kỳ cuối) cấp huyện được đưa vào CSDL: 02 bộ;

+ Tài liệu, dữ liệu kế hoạch sử dụng đất (năm gần nhất) cấp huyện được đưa vào CSDL: 01 bộ;

+ Tài liệu quét: Trang A4: 212 trang.

- Đối với kỳ hiện tại:

+ Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (năm 2021) của kỳ hiện tại: 01 bộ dữ liệu;

+ Tài liệu quét: Trang A4: 92 trang.

7.4) Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất

- Dữ liệu giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất: 863 thửa;

- Thửa có phiếu chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính: 10.366 thửa;

- Tài liệu quét: Trang A4: 435 trang.

(Khối lượng chi tiết cho từng hạng mục công việc được thực hiện theo bảng được nêu trong Thiết kế kỹ thuật – dự toán được duyệt)

8. Tổng dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đúng Định mức kinh tế kỹ thuật và các chế độ tài chính theo quy định hiện hành của nhà nước, cụ thể giá trị được xác định như sau:

Tổng kinh phí sau thuế: **1.951.402.116** đồng. Trong đó:

- Phần kinh phí do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện: 122.613.201 đồng;

- Phần kinh phí tổ chức đấu thầu: 1.818.666.023 đồng;

- Phần kinh phí thẩm tra, phê duyệt: 10.122.892 đồng.

(Kèm theo Thiết kế kỹ thuật - dự toán)

- Thời gian thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi: 12 tháng (từ tháng 01/2021÷12/2021).

9. Hình thức thực hiện dự án: Đấu thầu rộng rãi trong nước.

10. Hình thức quản lý thực hiện dự án: Sở Tài nguyên và Môi trường (Chủ dự án) trực tiếp quản lý.

11. Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và vốn đối ứng của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo dự án VILG tỉnh chịu trách nhiệm:

- Theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ;

- Đôn đốc các cơ quan thực hiện việc phân bổ vốn đối ứng và cấp vốn ứng trước cho các hoạt động của dự án.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường (Chủ dự án) chịu trách nhiệm:

- Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu của Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Thế giới và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

- Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu;

- Thực hiện giám sát và đánh giá Dự án theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra, theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Thẩm định, phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án;

- Tổng hợp, xét duyệt báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo niên độ do Ban Quản lý dự án VILG tỉnh lập, gửi Sở Tài chính thẩm định; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Thế giới theo đúng quy định;

- Hàng quý kiểm tra, tổng hợp, đối chiếu công vay theo quy định gửi Sở Tài chính thẩm định.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ vốn đối ứng cho dự án dựa trên dự toán ngân sách tổng thể của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt;

- Đảm bảo các nguồn vốn để thỏa mãn các yêu cầu về vốn ứng trước cho phần vốn IDA trong chi phí của dự án;

- Thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán niên độ, các báo cáo kiểm toán độc lập do Sở Tài nguyên và Môi trường lập;

- Hàng quý thẩm định các báo cáo, đối chiếu công nợ vay tại tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Tài chính phân bổ vốn đối ứng cho dự án dựa trên dự toán ngân sách tổng thể của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt;

- Phối hợp với Sở Tài chính đảm bảo các nguồn vốn để thỏa mãn các yêu cầu về vốn ứng trước cho phần vốn IDA trong chi phí của dự án;

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu do Sở Tài nguyên và Môi trường trình.

5. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm:

- Kiểm soát chi tiêu của Ban Quản lý dự án VILG tỉnh đối với phần vốn đối ứng của dự án và để đảm bảo chỉ duyệt thanh toán cho những chi tiêu hợp lệ;

- Chi trả theo yêu cầu của Ban Quản lý dự án VILG tỉnh cho bên thụ hưởng sử dụng vốn đối ứng và vốn ứng trước theo tỷ lệ đã được xác định trong Hiệp định Tài trợ giữa IDA và Chính phủ.

6. Ban Quản lý dự án VILG tỉnh chịu trách nhiệm:

- Quản lý các hoạt động tài chính của Hợp phần Dự án được giao quản lý;

- Thực hiện các hoạt động liên quan đến đấu thầu theo quy định của pháp luật, nhà tài trợ và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án;

- Thực hiện ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu theo ủy quyền;

- Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo niên độ, nghiệm thu dự án hoàn thành và bàn giao kết quả đầu ra của Dự án;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ của các khoản chi tiêu của Ban Quản lý dự án VILG tỉnh đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước Việt Nam và Hiệp định Tài trợ;

- Thực hiện các thủ tục rút vốn theo quy định;

- Lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý dự án VILG tỉnh; Chủ tịch UBND huyện

Trà Bồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Quản lý đất đai;
- BQL Dự án VILG cấp Trung ương;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (lnphong458)

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh